

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Xuân Chiến

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Y Nik Êban.
2. Ông Nguyễn Hải Bình.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Hồ Thị Thu Ba– Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa: ông Dương Minh Xuân– Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2021/HSST ngày 29/4/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HS ngày 08/6/2021 đối với các bị cáo:

1. Mai Văn L, sinh năm 1991, tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn 6, xã B, huyện A, tỉnh Đắk Lắk. Nơi cư trú: tổ dân phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: không nghề. Dân tộc: kinh. Tôn giáo: không. Trình độ học vấn: lớp 1/12. Con ông Mai Văn Q (bố dượng), sinh năm 1961 và con bà Trần Thị L, sinh năm 1971. Bị cáo đã có vợ là Nguyễn Thị Ánh P, sinh năm 1994 (nhưng đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2013. Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 15/3/2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 (một) năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 17/3/2012 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù; Ngày 18/9/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 01 (một) năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 13/5/2014 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định khác của bản án nên đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/12/2020, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Ea Kar- Có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Xuân N, sinh năm 1980, tại huyện Y, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: số 134 Phạm Văn Đ, tổ dân phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Nghề nghiệp: không nghề. Dân tộc: kinh. Tôn giáo: không. Trình độ học vấn: lớp 12/12. Con ông Trần N1, sinh năm 1942 và con bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1953. Bị cáo đã có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1989 (nhưng đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2008. Tiền án: Ngày 07/8/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 17/6/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa nộp tiền án phí. Tiền sự: Ngày 15/5/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 (mười tám) tháng, đến ngày 15/4/2020, Trần Xuân N chấp hành xong.

Nhân thân: đã bị kết án chưa được xóa án tích và đã bị áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/12/2020, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Ea Kar- Có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1985. Nơi cư trú: số 74 đường A4, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk: có mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** bà Phạm Thùy T, sinh năm 1982. Nơi cư trú: số 847/3 Nguyễn Văn C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt.

+ bà Trương Thị H, sinh năm 1978. Nơi cư trú: số 65A Nay Đ, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt.

+ ông Đỗ Văn K, sinh năm 1983. Nơi cư trú: tổ dân phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt.

- **Người làm chứng:** bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1958. Nơi cư trú: thôn 12, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: có mặt.

+ ông Trần Thanh D, sinh năm 1989. Nơi cư trú: thôn 11, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk: có mặt.

+ chị Đoàn Thị Ngọc T, sinh năm 1996. Nơi cư trú: số 253 Trần K, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt.

+ bà Triệu Thị M, sinh năm 1965. Nơi cư trú: số 165/6/32 Nguyễn Chí T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk: vắng mặt.

+ bà Hà Thị H, sinh năm 1970. Nơi cư trú: thôn 14, xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk: có mặt.

+ chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1997. Nơi cư trú: thôn 12, xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk: có mặt.

NHẬN THẤY

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do nghiện ma túy nhưng không có nghề nghiệp, để có tiền tiêu xài Mai Văn L và Trần Xuân N đã bàn bạc, thống nhất với nhau là đi đến các Ngân hàng trên địa bàn huyện K, phát hiện người đi vay tiền hoặc rút tiền ở ngân hàng ra thì đi theo, khi có điều kiện thuận lợi sẽ thực hiện hành vi trộm cắp tiền của những người này. N là người điều khiển xe mô tô và tìm cách tiếp cận với chủ tài sản để tránh sự chú ý của họ, còn L là người tiếp cận nơi để tài sản để thực hiện hành vi chiếm đoạt, tài sản lấy được thì chia đều.

Theo như phương thức đã thống nhất, khoảng 09 giờ ngày 11/11/2020, N điều khiển mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo màu đỏ - đen, biển kiểm soát số 47K5 – 6499 chở L ngồi phía sau đi dọc theo đường Quốc lộ 26 hướng từ thành phố B về huyện K. Đến khoảng 13 giờ 45 phút cùng ngày, khi đi đến trước Ngân hàng VietcomBank chi nhánh huyện K phát hiện xe mô tô để ở phía trước nhiều nên N và L dừng xe rồi vào ghế đá trước cổng Ban chỉ huy quân sự thị trấn K ngồi, để quan sát nhưng do khoảng cách xa khó quan sát nên N điều khiển xe chở L đến trước cổng trường mẫu giáo Ngọc L đối diện với Ngân hàng VietcomBank để thuận lợi cho việc quan sát. Lúc này, bà Nguyễn Thị N cùng ông Trần Thanh D rút tiền từ trong Ngân hàng đi ra, trên tay bà N cầm 01 túi nhựa màu trắng bên trong đựng 200.000.000^d (hai trăm triệu đồng) rồi bỏ vào cốp xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 47M3 – 0201 (xe này bà N mượn của bà Hà Thị H), sau đó ông D điều khiển xe mô tô chở bà N đi về. Thấy vậy, N điều khiển xe mô tô chở L đi theo sau và luôn giữ khoảng cách từ 10 mét đến 20 mét để tránh bị phát hiện. Khi ông D chở bà N về đến nhà bà Nguyễn Thị A (ở thôn 12, xã K, huyện K) thì dựng xe mô tô ở sân, rồi vào nhà bà A ngồi nói chuyện, số tiền 200.000.000^d vẫn để trong cốp xe. Lúc này, khoảng 15 giờ 15 phút cùng ngày, thấy không có người trông coi quản lý, N chở L vào sân nhà bà A, N đi vào nhà kho nơi bà A, bà N, ông D và một số người khác đang ngồi nói chuyện để hỏi mua hành, vì bà A đang nhặt hành, mục đích để đánh lạc hướng những người ở đây. Còn ở ngoài sân, L đến vị trí để xe mô tô biển số 47M3 – 0201 rồi dùng tay trái cầm yên xe kéo lên, tạo khoảng trống và dùng tay phải thò vào cốp xe móc lấy túi nhựa màu trắng, thấy trong túi có 04 xấp tiền mệnh giá 500.000^d (Năm trăm ngàn đồng) tổng cộng là 200.000.000^d, L cuộn lại cất giấu trong người và nói vọng vào “hành đắt quá đi về thôi”, nghe vậy N biết L đã lấy được tiền nên đi ra lấy xe mô tô chở L theo đường Công ty cà phê 719 về thành phố B. Trên đường về, sợ phải chia

đôi số tiền vừa lấy trộm được cho N nên L đã lấy 02 xấp tiền tổng cộng là 100.000.000^d bỏ vào trong quần cất giấu, còn lại 02 xấp tiền L cuộn trong túi nhựa giấu trong người. Khi đi đến một con đường hẻm, L bảo N rẽ vào để kiểm tra tiền, lúc này L lấy túi nhựa mở ra cho N xem và đưa cho N 01 xấp với số tiền 50.000.000^d, còn 01 xấp L bỏ vào người cất giữ. Chia tiền xong, N điều khiển xe mô tô đi ra Km47, Quốc lộ 26 rồi dừng xe để L đón xe đi về thành phố B, còn N điều khiển xe đi về một mình. Quá trình L và N ngồi quan sát bà N, ông D rút tiền tại Ngân hàng Vietcombank được camera an ninh của Công an huyện Ea Kar ghi lại hình ảnh và được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Số tiền 50.000.000^d N được chia đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Còn L sử dụng số tiền 150.000.000^d, cụ thể: mua 01 điện thoại di động Iphone X, màu đen với giá 14.500.000^d; mua 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Aiblade màu sơn đỏ đen, biển số 47M1-412.71 với giá 22.500.000^d; trả tiền thuê phòng trọ cho bà Nguyễn Thị Thanh B 500.000^d; cho Đoàn Thị Ngọc T số tiền 500.000^d; cho bà Triệu Thị M để nộp tiền học cho con L số tiền 1.000.000^d và mua 01 sợi dây chuyền vàng với số tiền 8.600.000^d nhưng sau đó L đã bán sợi dây chuyền vàng này cùng với số tiền còn lại tiêu xài cá nhân hết.

Ngoài vụ trộm cắp tài sản trên, L và N còn khai nhận vào ngày 20/10/2020, lấy trộm của ông Phạm Duy T một chiếc ví da bên trong có 3.000.000^d và một số giấy tờ khác tại địa bàn huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Cơ quan Công an huyện Ea Kar đã chuyển giao vật chứng thu giữ được liên quan đến vụ trộm này cho Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Pắc điều tra theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, model Iphone X, màu đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu sơn đỏ đen, biển số 47M1-412.71; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 123400 và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm số 00580012 cùng mang tên Trương Thị H đối với xe mô tô biển số 47M1-412.71.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo màu sơn đỏ đen, biển số 47K5-6499 và 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 0072871 mang tên Phạm Thuỳ T đối với xe mô tô biển số 47K5-6499.

- 01 chiếc áo khoác gió màu xanh da trời nhãn hiệu Adidas có mũ liền; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ nhãn hiệu “Nonson” và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, model 5310C-2, màu đỏ-đen.

Riêng đối với 01 chứng minh nhân dân số 240594789, 01 giấy phép lái xe số 660037834016 đều mang tên Phạm Duy T; 01 giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc số 190491536, 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 076914 cùng mang tên

Nguyễn Thị Bích L. Đây là những giấy tờ mà L và N trộm cắp ở huyện P, đã chuyển giao cho cơ quan điều tra Công an huyện Krông Pắc xử lý theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không đề cập trong vụ án này.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 16/KL-HĐ 992 ngày 02/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 992 huyện K, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu sơn đỏ đen, biển số 47M1-412.71, có giá trị 26.000.000^d (hai mươi sáu triệu đồng); 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, model Iphone X, màu đen có giá trị 9.000.000^d (chín triệu đồng). Tổng cộng hai tài sản là 35.000.000^d (ba mươi lăm triệu đồng).

Trong vụ án có đề cập đến vai trò của Đoàn Thị Ngọc T được bị cáo L cho số tiền 500.000^d, bà Triệu Thị M được bị cáo L cho 1.000.000^d để đóng tiền học cho con L và trả tiền thuê phòng trọ cho bà Nguyễn Thị Thanh B 500.000^d. Quá trình điều tra, xác định những người này họ hoàn toàn không biết số tiền do L trộm cắp mà có và họ đã sử dụng, cơ quan Công an huyện Ea Kar không thu giữ được, nên Hội đồng xét xử không đạt ra giải quyết.

-Tại phiên tòa, các bị cáo Mai Văn L và Trần Xuân N đều khai nhận: diễn biến hành vi phạm tội của các bị cáo như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã truy tố. Các bị cáo đều xác định trước khi thực hiện hành vi trộm cắp, các bị cáo bàn bạc và thống nhất về phương thức thực hiện hành vi phạm tội theo đó đối tượng các bị cáo hướng tới là những người đến giao dịch vay hoặc rút tiền tại các Ngân hàng trên địa bàn huyện K, sau đó bám theo, khi có điều kiện thuận lợi thì bị cáo N có nhiệm vụ đánh lạc hướng, còn bị cáo L thực hiện việc lấy trộm tài sản và chia đôi. Các bị cáo xác định số tiền lấy trộm của bà N là 4 xấp tiền mệnh giá 500.000^d, tổng cộng 200.000.000^d (hai trăm triệu đồng). Bị cáo N được chia 50.000.000^d, còn bị cáo L đã dấu trước khi chia 02 xấp số tiền 100.000.000^d nên bị cáo L được 150.000.000^d.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 28/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đã truy tố các bị cáo Mai Văn L và Trần Xuân N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản nên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Mai Văn L và Trần Xuân N, phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

1. Xử phạt: Mai Văn L: từ 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù đến 08 (tám) năm

03 (ba) tháng tù.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm a, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

2. Xử phạt: Trần Xuân N: từ 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù đến 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù.

Xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu thu sung công quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, màu sơn đỏ đen, biển số 47K5-6499 và 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 0072871 mang tên Phạm Thuỳ T là phương tiện các bị cáo dùng phạm tội.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo khoác gió màu xanh da trời nhãn hiệu Adidas có mũ liền; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ nhãn hiệu “Nonson” do không còn giá trị sử dụng.

- Tuyên trả cho bị cáo Trần Xuân N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, model 5310C-2, màu đỏ-đen do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Tiếp tục tạm giữ đồ vật dưới đây để đảm bảo công tác thi hành án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, model Iphone X, màu đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu sơn đỏ đen, biển số 47M1-412.71; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 123400 và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm số 00580012 cùng mang tên Trương Thị H đối với xe mô tô biển số 47M1-412.71.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 288, 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự. Công nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa: Buộc các bị cáo Mai Văn L và Trần Xuân N phải bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị N số tiền 200.000.000^d (hai trăm triệu đồng). Trong đó, bị cáo Mai Văn L phải bồi thường cho bà N số tiền 150.000.000^d (một trăm năm mươi triệu đồng); bị cáo Trần Xuân N phải bồi thường cho bà N số tiền 50.000.000^d (năm mươi triệu đồng).

Các bị cáo Mai Văn L và Trần Xuân N đồng ý với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, không tranh luận gì. Bị hại bà Nguyễn Thị N đồng ý và không ý kiến tranh luận gì.

Tại phần lời nói sau cùng các bị cáo Mai Văn L và Trần Xuân N tỏ thái độ ăn năn và yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Ea Kar, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận: sau khi bàn bạc, thống nhất về phương thức, thủ đoạn phạm tội, bị cáo N điều khiển xe mô tô Yamaha Nouvo, biển số 47K5 – 6499 chở bị cáo L ngồi sau đi đến thị trấn K. Khoảng 13 giờ 45 phút ngày 11/11/2020, các bị cáo dừng trước Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh huyện K để quan sát, phát hiện bà Nguyễn Thị N rút tiền từ Ngân hàng đi ra bỏ tiền vào cốp xe mô tô thì bị cáo N điều khiển xe mô tô bám theo, khi ông Trần Thanh D chở bà N vào nhà bà Nguyễn Thị A và dựng xe mô tô ở sân vắng để tiền trong cốp xe không có người quan sát, bị cáo N tiếp cận bị hại và những người xung quanh đang nói chuyện tại nhà kho bà A để đánh lạc hướng, tạo điều kiện thuận lợi cho bị cáo L ở ngoài sân thực hiện hành vi trộm cắp của bà N số tiền 200.000.000^d (hai trăm triệu đồng). Sau khi lấy được tiền, bị cáo L đã dấu bớt đi 2 xấp với tổng số 100.000.000^d, còn lại 2 xấp tiền với tổng số 100.000.000^d chia cho bị cáo N 50.000.000^d, các bị cáo đã tiêu xài cá nhân.

Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm trật tự công cộng là khách thể được pháp luật đặc biệt quan tâm bảo vệ. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar đối với các bị cáo Mai Văn L và Trần Xuân N, về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung là “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*” theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

1. *Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

3. *Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:*

a, *Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.*

[3] *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Trong vụ án này, mặc dù chỉ có 02 bị cáo cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng giữa các bị cáo có sự cấu kết chặt chẽ với nhau trong toàn bộ quá trình phạm tội, thể hiện: trước khi trộm cắp tài sản của bà N, các bị cáo đã có sự bàn bạc, thống nhất với nhau về phương thức thực hiện hành vi phạm tội đó là đến các Ngân hàng tại thị trấn K quan sát, khi phát hiện người dân đến giao dịch vay tiền hoặc rút tiền thì các bị cáo bám theo, khi có cơ hội thuận lợi bị cáo N tiếp cận bị hại nhằm đánh lạc hướng sự chú ý, tạo điều kiện thuận lợi để bị cáo L lấy trộm tài sản. Quá trình chiếm đoạt tài sản của bà N, các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội như phương thức thống nhất từ trước, sự tính toán kỹ lưỡng trong từng giai đoạn từ khi quan sát, bám theo và trộm cắp tài sản. Vì vậy, nên thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, bị cáo L do gian dối nên số tiền được chia gấp 3 lần so với bị cáo N.

- Đối với bị cáo N: Ngày 07/8/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa nộp tiền án phí nên chưa được xóa án tích. Do đó, bị cáo phạm tội trong trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, ngày 15/5/2019, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với thời hạn 18 (mười tám) tháng, đến ngày 15/4/2020, bị cáo chấp hành xong nhưng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt hành chính thì tiếp tục phạm tội.

- Đối với bị cáo L: Ngày 15/3/2011, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 (một) năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 18/9/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 01 (một) năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù của hai bản án và các quyết định khác của bản án nên đã được xóa án tích. Tuy nhiên, bị cáo L không coi đó là bài học để tự cải tạo thành người có ích cho xã hội mà tiếp tục phạm tội.

Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài mới đủ để răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần xem xét khi lượng hình để thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Vì vậy, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, cần chấp nhận.

[5] Các biện pháp tư pháp:

5.1. *Về trách nhiệm dân sự:* Tại phiên tòa, bị hại bà Nguyễn Thị N yêu cầu các bị cáo L và N phải liên đới bồi thường số tiền 200.000.000^d (hai trăm triệu đồng), các bị cáo đồng ý yêu cầu của bị hại.

Nội dung các bên thỏa thuận: các bị cáo Mai Văn L và Trần Xuân N phải liên đới bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị N số tiền là 200.000.000^d (hai trăm triệu đồng). Trong đó, bị cáo Mai Văn L phải bồi thường cho bà N số tiền 150.000.000^d (một trăm năm mươi triệu đồng), bị cáo Trần Xuân N phải bồi thường cho bà N số tiền 50.000.000^d (năm mươi triệu đồng). Xét việc thỏa thuận này là tự nguyện, phù hợp với khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 288, 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự, cần chấp nhận.

5.2. Xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo màu sơn đỏ đen, biển số 47K5-6499 và 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 0072871 mang tên Phạm Thùy T.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của cơ quan Công an huyện Ea Kar, xác định bà Phạm Thùy T là người đứng tên chủ sở hữu chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo màu sơn đỏ đen, biển số 47K5-6499. Quá trình điều tra, bà Phạm Thùy T khai vào năm 2009, bà đã bán cho một người đàn ông không biết họ tên với giá 3.000.000^d nên bà không có yêu cầu gì. Bị cáo N khai: vào tháng 4/2020, bị cáo mua chiếc xe mô tô này tại tiệm xe máy ở thành phố B. Do đó, không có việc tranh chấp về quyền sở hữu đối với chiếc xe mô tô trên. Vì vậy xác định, thực tế bị cáo N là chủ sở hữu, bị cáo đã dùng làm phương tiện phạm tội. Do đó, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là tịch thu sung công quỹ Nhà nước là phù hợp với điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, cần chấp nhận.

- Đối với 01 chiếc áo khoác gió màu xanh da trời nhãn hiệu Adidas có mũ liền; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ nhãn hiệu “Nonson” do không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, model 5310C-2, màu đỏ-đen thu giữ của bị cáo Trần Xuân N, bị cáo không sử dụng để thực hiện việc phạm tội nên cần tuyên trả lại cho bị cáo N, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, model Iphone X, màu đen bị cáo L mua tại Chi nhánh Công ty cổ phần thế giới di động, số A12 Trần Hưng Đ, phường T, thành phố B; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu sơn đỏ đen, biển số 47M1-412.71; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 123400 và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm số 00580012 cùng mang tên Trương Thị H đối với xe mô tô biển số 47M1-412.71.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của cơ quan Công an huyện Ea Kar, xác định bà Trương Thị H là người đứng tên chủ sở hữu chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu sơn đỏ đen, biển số 47M1-412.71. Quá trình điều tra, bà Trương Thị H khai vào tháng 11/2020, bà đã bán chiếc xe mô tô này cho một người đàn ông không biết họ tên với giá 17.500.000^d, khi bán có viết giấy tờ và được công chứng nên bà không yêu cầu gì. Ông Đỗ Văn K khai nhận vào tháng 11/2020 ông mua lại chiếc xe này của một người đàn ông với giá 20.000.000^d, có đầy đủ giấy tờ hợp lệ. Sau đó, ông K đã bán lại cho bị cáo L với giá 22.500.000^d và giao toàn bộ giấy tờ cho bị cáo L nên cũng không yêu cầu gì. Vì vậy, tiếp tục tạm giữ chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Apple, model Iphone X và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu sơn đỏ đen, biển số 47M1-412.71 cùng giấy tờ nêu trên để đảm bảo công tác thi hành án.

[6] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Mai Văn L.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm a, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Xuân N.

Tuyên bố: các bị cáo Mai Văn L và Trần Xuân N, phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

[1] Xử phạt: Mai Văn L: 08 (tám) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/12/2020.

[2] Xử phạt: Trần Xuân N: 08 (tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/12/2020.

[3] Các biện pháp tư pháp:

3.1. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 288, 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự;

Công nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa: các bị cáo Mai Văn L và Trần Xuân N phải liên đới bồi thường cho bị hại bà Nguyễn Thị N số tiền là 200.000.000^d (hai trăm triệu đồng). Trong đó, bị cáo Mai Văn L phải bồi thường cho bà N số tiền 150.000.000^d (một trăm năm mươi triệu đồng), bị cáo Trần Xuân N phải bồi thường cho bà N số tiền 50.000.000^d (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

3.2. Xử lý vật chứng: áp dụng điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a,c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo màu sơn đỏ đen, biển số 47K5-6499 và 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 0072871 mang tên Phạm Thuỳ T.

- Tuyên tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo khoác gió màu xanh da trời nhãn hiệu Adidas có mũ liền và 01 mũ bảo hiểm màu đỏ nhãn hiệu “Nonson”.

- Tuyên trả cho bị cáo Trần Xuân N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, model 5310C-2, màu đỏ-đen nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

- Tiếp tục tạm giữ tài sản và giấy tờ để đảm bảo công tác thi hành án, gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, model Iphone X, màu đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu sơn đỏ đen, biển số 47M1-412.71; 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 123400 và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm số 00580012 cùng mang tên Trương Thị H.

Các vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/5/2021 giữa Công an huyện Ea Kar và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Căn cứ Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các bên có quyền thỏa thuận việc thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 5 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật;

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Mai Văn L phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 7.500.000^d (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Xuân N phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000^d (hai triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đắk Lắk.
- Vụ giám đốc kiểm tra 1-TAND Tối cao.
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk.
- VKSND huyện Ea Kar.
- Chi cục THADS huyện K.
- Công an huyện Ea Kar.
- Cơ quan THAHS huyện K.
- Các bị cáo-đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Xuân Chiến